

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/ST-HNGĐ

Ngày: 16 – 01 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Hoàn

Ông Mai Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2019/TLST ngày 13 tháng 3 năm 2019, về việc ly hôn;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1869/2019/QĐ-ST ngày 22/11/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Li (Lưu Nhân Q), sinh ngày 27/6/1973

Địa chỉ: 92 phố T Cùm 9, phường T1, khu Q1, thành phố Đào Viên, Đài Loan. Có mặt

Địa chỉ liên lạc: Ông Nguyễn Hải Q2, sinh năm 1994 – địa chỉ: Số 2 ngách 349/15 MK, quận BT – Hà Nội (là người được uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án). Có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1995

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã QT, thị xã B1, tỉnh Quảng Bình – Hiện đang cư trú ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Vắng mặt. Thân nhân của bà Nguyễn Thị N: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961 – Địa chỉ: Thôn C, xã QT, thị xã B1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Người phiên dịch: Bà Đoàn Thị Hoà H2, sinh năm 1984 – Cộng tác viên dịch thuật UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện đề ngày 11/02/2019 của nguyên đơn ông Li (Lưu Nhân Q) về việc xin ly hôn, Bản tự khai đề ngày 12/9/2019 được Bộ ngoại giao nước Cộng hoà

xã hội chủ nghĩa Việt Nam chúng nhận hợp pháp hoá lãnh sự và trình bày của ông Li tại phiên toà hôm nay, ông Li trình bày:

- Về tình cảm: Ông Li và bà Nguyễn Thị N quen biết nhau tại Đài Loan, khi đó bà Huyền là lao động hợp đồng, sau khi tìm hiểu và quen biết được một thời gian thì cả hai bàn bạn và thống nhất đi đến kết hôn một cách tự nguyện. Sau khi về Việt Nam, khi ông Li và bà Nguyễn Thị N đến nộp hồ sơ đăng ký tại UBND thị xã B1, tỉnh Quảng Bình và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/12/2017. Sau khi kết hôn tại Việt Nam ông Li và bà N đến Văn phòng Kinh tế - Văn hoá Đài Bắc tại Hà Nội để phỏng vấn nếu được thông qua thì bà Ngà mới qua được Đài Loan đến chung sống lâu dài với ông Li nhưng không may là vì lý do chủ quan nên hồ sơ không thông qua được. Vì vậy, ông Li trở lại Đài Loan, còn bà N phải ở lại Việt Nam để chờ lần phỏng vấn tiếp theo. Sau khi ông Li sang Đài Loan, ông vẫn thường xuyên điện thoại, nhắn tin hỏi han, động viên nhưng lâu dần tình cảm bà N phai nhạt, và sau đó thì không còn nghe điện thoại, cũng không trả lời tin nhắn của ông nữa. Ông Li ở bên Đài Loan lo lắng, không nghĩ cô ấy phụ bạc mà thì nghĩ hay là cô ấy bị bệnh rồi. Ông Li tìm mọi cách để liên lạc với bà N, sau đó ông được một người đồng hương của bà Ngà báo với ông rằng cô N đã rời khỏi địa phương, còn đi đâu ông không biết. Từ đó ông rất buồn rầu, vẫn ngày ngày nhắn tin gọi điện qua các ứng dụng nhưng không được hồi âm. Ông buồn rầu lao vào rượu chè và xảy ra tình trạng bệnh tật như hiện nay. Nay mỗi người mỗi nơi, ông thấy tình cảm không còn nên ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông bà Nguyễn Thị N được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Ông Li trình bày vợ chồng ông với bà Nguyễn Thị N không có con chung, không có tài sản chung, hai mối quan hệ này ông Li không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Phía bị đơn bà Nguyễn Thị N không có ý kiến trình bày.

Sau khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án đã thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập bà Nguyễn Thị N đến Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình để giải quyết vụ án nhưng bà N không đến. Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã uỷ thác cho Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình thu thập chứng cứ đối với bà Nguyễn Thị N theo địa chỉ cư trú do nguyên đơn cung cấp và ghi trên giấy kết hôn tại Thôn C, xã QT, thị xã B1, tỉnh Quảng Bình. Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị V (là mẹ đẻ của bà N) vào ngày 28/3/2019 do Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình lập trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương UBND xã QT, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cũng như ý kiến của ông Nguyễn Văn V1 (là bố đẻ của bà N) tại phiên toà hôm nay đều thống nhất trình bày: Sau khi nhận được Thông báo thụ lý số 322/TB-TLVA ngày 13/3/2019 của TAND tỉnh Quảng Bình ông bà đã thông báo cho con gái là Nguyễn Thị N biết nội dung của thông báo nhưng hiện nay bà N đang đi làm xa chỉ liên lạc bằng điện thoại còn địa chỉ cụ thể ở đâu ông bà không biết. Ông V1, bà V đều xác nhận con bà là Nguyễn Thị Ngà đã kết hôn với ông Li là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn bà Ngà cùng với ông Li sống bên Đài Loan nên ông bà không biết cuộc sống có hạnh phúc hay không, nhưng năm 2016 bà Ngà về nhà (Việt Nam) và nói sống với ông Li không hạnh phúc nên chia tay. Bà Nguyễn Thị N biết việc ông Li khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình

giải quyết ly hôn và con gái ông bà cũng đồng ý; Về con cái và tài sản: Ông V1, bà V trình bày: Con bà và ông Li không có con chung, không có tài sản chung.

Ngày 17/4/2019, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có công văn số: 433/CV-TDS gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của bà Nguyễn Thị N. Tại Công văn số 6652/QL-XNC-P5 ngày 25/4/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an đã cung cấp thông tin như sau: Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/3/1995 – địa chỉ: Thôn C, xã QT, thị xã B1, tỉnh Quảng Bình (nay là thị xã B1) đã xuất cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 05/01/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Ngày 12/8/2019, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có công văn số 1343/CV-DS gửi Ban đối ngoại Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5) đăng tin trên kênh dành cho người nước ngoài trong 03 số liên tiếp để thông báo đối với bà Nguyễn Thị N biết về thời gian, địa điểm Toà án tiến hành mở các phiên họp, phiên hoà giải và phiên toà theo quy định tại Điều 474 BLTTDS.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 474; khoản 5 Điều 477 BLTTDS, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho ông Li và bà Nguyễn Thị N được ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 196, khoản 3 Điều 474 BLTTDS, cụ thể: Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình gửi thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà Nguyễn Thị N đến Toà án để giải quyết vụ án nhưng bà N không đến. Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã uỷ thác cho Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình thu thập chứng cứ đối với bà Nguyễn Thị N theo địa chỉ cư trú do nguyên đơn cung cấp tại thôn C, xã QT, thị xã B1, tỉnh Quảng Bình nhưng không có kết quả. Ngày 12/8/2019, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có công văn số 1343/CV-DS gửi Ban đối ngoại Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5) đăng tin trên kênh dành cho người nước ngoài trong 03 số liên tiếp để thông báo đối với bà Nguyễn Thị N biết về thời gian, địa điểm Toà án tiến hành mở các phiên họp, phiên hoà giải và phiên toà theo quy định tại Điều 474 BLTTDS.

Ngày 17/12/2019, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiến hành mở phiên toà, nguyên đơn ông Li và bị đơn Nguyễn Thị N đều vắng mặt, (ông Li có đơn xin vắng mặt). Căn cứ vào các Điều 227, Điều 233, Điều 235, khoản 3 Điều 477 Toà án hoãn phiên toà.

Tại phiên hoà hôm nay ngày 16/01/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị N vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các 227, Điều 476; khoản 5 Điều 477 Bộ Luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Li và bà Nguyễn Thị N quen biết nhau tại Đài Loan, sau khi tìm hiểu và quen biết được một thời gian thì Ông Li và bà Nguyễn Thị N đã cùng thống nhất đi đến kết hôn một cách tự nguyện, đã được UBND thị xã B1, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/12/2017 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn tại Việt Nam ông Li và bà Nguyễn Thị N đến Văn phòng Kinh tế - Văn hoá Đài Bắc tại Hà Nội để phỏng vấn nếu được thông qua thì ông Li và bà N cùng qua Đài Loan chung sống, nhưng ông bà đã không may là vì lý do chủ quan nên hồ sơ không thông qua được vì vậy ông Li trở lại Đài Loan, còn bà N phải ở lại Việt Nam để chờ lần phỏng vấn tiếp theo. Sau khi ông Li sang Đài Loan ông vẫn thường xuyên điện thoại, nhắn tin hỏi han, động viên nhưng lâu dần tình cảm phai nhạt nên bà N không nghe điện thoại, cũng không trả lời tin nhắn của ông Li nữa. Nay ông biết thông tin bà N đã rời khỏi địa phương, còn đi đâu ông không rõ. Ông Li xác nhận tình cảm giữa hai người không còn nên ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông và bà Nguyễn Thị N được ly hôn để ai cũng có thể ổn định cuộc sống riêng của mình.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông Li và bà Nguyễn Thị N thực sự không còn, mặc dù bà Nguyễn Thị N không có lời khai trình bày nhưng qua xác minh và trình bày của ông Li, của ông Nguyễn Văn V1 là bố đẻ của bà Nguyễn Thị N tại phiên toà thì vợ chồng ông Li và bà Nguyễn Thị N có thời gian chung sống được khoảng 1 năm sau đó bà N không còn sống chung với ông Li nữa. Sau khi làm thủ tục cho bà N để nhập tịch quan Đài Loan không được thì hai người xa nhau, thời gian đã hơn hai năm, hiện bà N đi đâu ông Li không hề biết. Tại phiên toà hôm nay ông Li xác nhận không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị N nữa và mong muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy hiện nay ông Li và bà Nguyễn Thị N không có cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Li thực sự muốn ly hôn và theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chấp nhận yêu cầu của ông Li để xử cho ông Li và bà Nguyễn Thị N được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

2.2. Về quan hệ con chung: Vợ không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

2.3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí uỷ thác tư pháp: Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn ông Li phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: AA/2017/00005157 ngày 07/03/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Ông Li đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 235, khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Li và bà Nguyễn Thị N được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Li phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: AA/2017/00005157 ngày 07/03/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Ông Li đã nộp đủ.

Án xử công khai báo cho ông Li có mặt biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị N vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyển